

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-PT

Ngày 02-02-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đường Thị T; địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim M, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đường Văn M; địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị L; địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2023); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị B; có mặt;

2. Ông Hoàng Văn T; có mặt;

3. Bà Hoàng Thị L; có mặt;

4. Bà Hà Thị C; có mặt;

5. Ông Lý Văn Q; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật ông Đặng Đức S - Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đình X - Công chức địa chính xã (Văn bản ủy quyền số 697/GUQ-UBND ngày 18/8/2023); vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Đinh Thị H; địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đường Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Đường Thị T có chồng là ông Hoàng Văn M. Họ có người con là chị Hoàng Thị B. Anh Hoàng Văn T là chồng của chị Hoàng Thị B (Ông Hoàng Văn M chết năm 1983).

Ông Đường Văn M có vợ là bà Hà Thị C. Bà Hoàng Thị L và bà Đinh Thị L là các chị dâu của ông Đường Văn M.

Theo kết quả đo đạc ngày 05-4-2023 xác định đất tranh chấp có diện tích 885,5m² thuộc một phần thửa số 282, tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã G có địa danh tại Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Trên đất có 08 cây nhãn; 02 cây táo; 02 cây roi; 01 cây bưởi; 02 cây xoan; 01 cây ổi; 02 cây mít; 01 cây trứng gà; 01 cây bồ kết; 01 cây đu đủ; 03 cây mộc hương; 01 cây hoa hồng; hàng rào cây gai; đường bê tông do ông Hoàng Văn T xây dựng 6,2m²; bể nước 5m³. Đất tranh chấp có giá trị là 442.750.000 đồng; tài sản trên đất có giá là 21.026.000 đồng.

Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số: 12-2023/KL/GĐCN ngày 21/7/2023 của người giám định tư pháp ông Triệu Lương H đã xác định: “Mẫu 01 - Nhãn” có tuổi là 34 + 2 năm tuổi, tương ứng với năm trồng là từ năm 1987 đến năm 1991; “Mẫu 02 - Nhãn” có tuổi là 49 + 2 năm tuổi, tương ứng với năm trồng là từ năm 1972 đến năm 1974.

Tại cấp sơ thẩm

Nguyên đơn bà Đường Thị T cho rằng bà là người trực tiếp khai phá từ năm 1968, đến năm 1970-1972, bà trồng cây nhãn, cây bưởi sau đó quá trình quản lý sử dụng bà trồng thêm cây hồng, táo, mận, đào, cây núc nác, cây xoan,

cây bồ kết. Hàng năm gia đình bà đều thu hoạch các cây ăn quả trên. Năm 2004, ông Đường Văn M đến tranh chấp cho rằng đất là của ông cha và đã chặt các cây ăn quả của gia đình bà cụ thể 02 cây bưởi, 03 cây hồng, 20 cây mận, 20 cây đào. Khi sự việc tranh chấp xảy ra bà đã báo cáo lên thôn, lên xã nhưng lúc đó không ai giải quyết. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, sở hữu các tài sản trên đất tranh chấp và buộc phía gia đình bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp. Đối với yêu cầu buộc ông Đường Văn M bồi thường thiệt hại về tài sản (cây), nguyên đơn rút yêu cầu.

Chị Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T là các con gái, con rể của nguyên đơn, đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị T.

Bị đơn ông Đường Văn M trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đường Giai C cho ông Đường Văn V (là bố ông) theo Giấy phân quân lập năm 1958, có 03 người trong thôn làm chứng. Trước đó, gia đình ông đã trồng cây ngăn ngày nhưng do trâu bò phá hoại nên ông Đường Văn C (là anh trai của ông) đã trồng cây nhãn, bưởi, bồ kết năm 1985 đến năm 2004 thì xảy ra tranh chấp với nguyên đơn. Vì vậy, năm 2006, các anh em trong gia đình đã họp và thống nhất chia khu đất trên cho ông quản lý theo biên bản họp gia đình. Trong thời gian Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn không tiến hành hòa giải thì bà Đường Thị T đã trồng trộm một số cây trên đất. Ngày 21/6/2022 ông Hoàng Văn T xây hồ tự hoại, sau đó tiếp tục đổ đường bê tông lên khu đất tranh chấp. Trước các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Bị đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp; sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

Bà Hà Thị C, bà Đinh Thị L và bà Hoàng Thị L là vợ và các chị dâu của bị đơn, đều nhất trí với ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Ông Lý Văn Q trình bày: Gia đình ông có 02 cột điện, 01 cột điện để ở phần đất giáp ranh đất giữa gia đình ông và gia đình bà Đường Thị T, 01 cột điện ông để nhờ trên diện tích đất tranh chấp. Sau này nếu Tòa án giải quyết cho ai, nếu có yêu cầu ông sẽ di dời cây cột điện này.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Diện tích đang tranh chấp 885,5m² thuộc một phần thửa đất số 282, tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, qua kiểm tra thì trong Sổ mục kê không thể hiện tên người sử dụng; Sổ địa chính thì chỉ có số thửa và diện tích. Theo Bản đồ giải thửa 299 đo vẽ năm 1998 không thể hiện thửa đất số 282, chưa quy chủ cũng như người quản lý.

Người làm chứng

Ông Hoàng Văn L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đường Văn V bố ông Đường Văn M. Trước đây, ông có được hỏi ý kiến ông Đường Văn C xin chặt hai cây bưởi, nhưng hiện nay ông Đường Văn C đã chết. Hiện nay ai đang quản lý, sử dụng đất ông không nắm được.

Ông Lý Văn T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đường Văn V. Quá trình quản lý, sử dụng từ khi ông lớn lên và sinh sống gần đó thấy ông Đường Văn C có trồng cây bưởi, cây nhãn, còn các loại cây khác không biết ai trồng, cũng không thấy hai bên gia đình tranh chấp gì và cũng không thấy bà Đường Thị T trồng cây gì. Hiện nay diện tích đất này do ai quản lý, sử dụng ông không nắm được việc anh chị em trong gia đình có được đổi đất hay không ông cũng không nắm được.

Ông Hoàng Văn H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đường Văn V. Trước đó, gia đình ông Đường Văn M quản lý, sử dụng đến năm 2004 xảy ra tranh chấp thì không ai quản lý, sau đó gia đình bà Đường Thị T trồng một số cây ngắn ngày. Hiện nay diện tích đất này do ai quản lý, sử dụng ông không nắm được.

Bà Đinh Thị H trình bày: Bà là con gái của ông Đường Văn T, ông Đường Văn T và ông Đường Văn V đều là 02 người con trai của cụ Đường Giai Chỉ. Khi còn sống, cụ Đường Giai C đã lập 02 giấy phân quân chia cho hai người con trai là ông Đường Văn T và ông Đường Văn V; các cô con gái đi lấy chồng nên không được cụ chia đất cho. Thửa đất đang tranh chấp hiện nay có tên là đất N chính là thửa đất của cụ Đường Giai C chia cho ông Đường Văn V thể hiện trong Giấy phân quân.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ vào Điều 20; Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 95; khoản 3 Điều 100; Điều 101; khoản 1, 5 Điều 166; Điều 170; khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 1 Điều 11; Điều 357; Điều 429; Điều 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 184; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị T.

1.1. Bà Đường Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích $S = S_{ABCDEFGHLMNO} = 885,5m^2$ đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần thửa đất số 282, tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Bà Đường Thị T có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu tại mục 1.1 theo quy định của Luật Đất đai.

1.3. Bà Đường Thị T được quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên đất tranh chấp 885,5m² gồm: 08 cây nhãn (06 cây và 2 gốc); 02 cây táo; 02 cây roi; 01 cây bưởi; 02 cây xoan; 01 cây ổi; 02 cây mít; 01 cây trứng gà; 01 cây bồ kết; 01 cây đu đủ; 03 cây mộc hương; 01 cây hoa hồng; hàng rào cây gai; đường bê tông 6,2m²; bể nước 5m².

2. Buộc ông Đường Văn M và các thành viên trong gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất 885,5m², đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần thửa số 282, tờ bản đồ 42 bản đồ địa chính xã G, huyện C tại địa danh: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản các cây ông Đường Văn M chặt năm 2004 gồm: 02 cây bưởi, 10 cây hồng, 20 cây mận, 20 cây đào. Bà Đường Thị T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Đường Văn M kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bị đơn ông đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp; buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đường Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đường Văn M; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đường Thị T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai, đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ Điều

296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn, kháng cáo nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đường Văn M yêu cầu bà Đường Thị T trả đất diện tích 885,5m² cho bị đơn ông Đường Văn M được quyền quản lý sử dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kết quả thẩm định tại chỗ đất tranh chấp có diện tích 885,5m² thuộc một phần thửa số 282 tờ bản đồ số 42 xã Gia Cát, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, có các phía tiếp giáp: Phía Đông bắc giáp đường bê tông; Phía Đông giáp đất nhà ông Lý Văn T, ông Lý Văn Q và bề nước chung; Phía Nam giáp đất nhà bà Đường Thị T, đất ông Hoàng Văn L; Phía Tây bắc giáp đường bê tông. Hiện trạng trên đất có 06 cây nhãn, 2 gốc cây đã cắt làm mẫu giám định; 02 cây táo; 02 cây roi; 01 cây bưởi; 02 cây xoan; 01 cây ổi; 02 cây mít; 01 cây trứng gà; 01 cây bồ kết; 01 cây đu đủ; 03 cây mộc hương; 01; hàng rào cây gai; và 1 bề nước, 01 đoạn đường bê tông diện tích 6,2m² do ông Hoàng Văn T xây dựng; có 02 cột điện của nhà ông Lý Văn Q.

[5] Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp: Nguyên đơn bà Đường Thị T cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc là do bà trực tiếp khai phá từ năm 1968 bà quản lý, sử dụng trồng cây từ năm 1970, 1972 cho đến nay. Năm 2004, xảy ra tranh chấp do ông Đường Văn M đến chặt phá cây cối của gia đình bà. Còn bị đơn ông Đường Văn M cho rằng đất tranh chấp là do cụ Đường Giai C (ông nội ông Đường Văn M) để lại cho ông Đường Văn V (là bố ông Đường Văn M) quản lý sử dụng từ năm 1958, việc cụ Đường Giai C cho đất có lập Giấy phân quân năm 1958, trong Giấy phân quân có nhiều thửa đất trong đó có thửa “đất N”. Khu đất này khi còn sống ông Đường Văn V chưa chia cho ai, sau khi ông Đường Văn V chết thì bà Hoàng Thị Thiều (vợ ông V) cùng các con họp lại để bàn bạc và chia khu đất đó cho ông Đường Văn M quản lý, sử dụng.

[6] Thông tin, tài liệu do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cung cấp: Theo bản đồ địa chính xã G, thửa đất có tranh chấp là thửa số 282, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.084,7 m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm khác (ký hiệu LNK), chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào.

[7] Tại Sổ mục kê đất đai của Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2015, Quyển số 02, trang số 95: Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 42, diện tích 1.084,7 m², mục đích sử dụng là đất LNK chưa quy chủ cho ai (để trống, chưa có ai đứng tên), theo Sổ danh sách các chủ chưa ký nhận diện tích của xã Gia Cát năm 2015, chưa có ai kê khai.

[8] Bản đồ giải thửa 299 không thể hiện thửa đất nói trên.

[9] Năm 2004, hai bên đã phát sinh tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp nhưng chưa được chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải. Đến ngày 21/6/2022, ông Hoàng Văn T (là con rể của nguyên đơn bà Đường Thị T) xây hồ tự hoại, sau đó tiếp tục đổ đường bê tông, xảy ra tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã cho tiến hành lấy mẫu cây nhãn làm giám định tuổi cây. Căn cứ Kết luận giám định tư pháp kết luận “Mẫu 01 - Nhãn” có tuổi là 34 + 2 năm tuổi, tương ứng với năm trồng là từ năm 1987 đến năm 1991; “Mẫu 02 - Nhãn” có tuổi là 49 + 2 năm tuổi, tương ứng với năm trồng là từ năm 1972 đến năm 1974.

[10] Về tuổi cây nhãn trồng trên đất: Nguyên đơn và bị đơn đều có lời khai mâu thuẫn về năm trồng cây nhãn, do đó căn cứ các lời khai ban đầu của các đương sự trình bày tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Cát, khởi kiện ngày 13/6/2022 và 17/11/2022, bản tự khai ngày 13/2/2022 của nguyên đơn, bản tự khai ngày 24/12/2022 của bị đơn làm căn cứ giải quyết: Nguyên đơn khai trồng các cây nhãn năm 1970 và lựa chọn (mẫu 02 - nhãn) làm giám định, bị đơn khai trồng năm 1983, 1984 (lựa chọn mẫu 1 - nhãn) làm giám định tuổi cây. Như vậy, lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều không phù hợp với kết luận giám định tuổi cây do các đương sự đã lựa chọn cây làm giám định.

[11] Nguyên đơn cho rằng đất khai phá từ năm 1968 và trồng cây trên đất năm 1970, tại phiên tòa phúc thẩm đã làm rõ thêm thông tin diện tích đất gia đình bà Đường Thị T đang ở có nhà, tiếp giáp liền kề đất đang có tranh chấp cũng chính là đất có nguồn gốc do bà khai phá và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 404,7m² nhưng không có tranh chấp. Quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đường Thị T không xuất trình tài liệu chứng cứ gì. Bị đơn ông Đường Văn M cung cấp 01 Giấy phân quân. Như vậy, cả nguyên đơn và bị đơn chưa ai được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp; chưa được đứng tên trên sổ mục kê, sổ địa chính theo quy định của pháp luật về đất đai.

[12] Xét Giấy phân quân do bị đơn cung cấp, trong giấy thể hiện nội dung các thửa đất mà cụ Đường Giai C chia cho ông Đường Văn V (là bố của bị đơn), có: Ruộng N; ruộng N1; ruộng N2; ruộng N3; ruộng N4; ruộng N5; ruộng N6; ao N; đất C (đất vườn); đất N (đất vườn); rừng hồi K. Hiện nay tất cả các thửa đất có tên trong Giấy phân quân cụ Đường Giai C chia cho ông Đường Văn V, các con ông Đường Văn V là Đường Văn M, Đường Long B, Đường Văn C đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại riêng thửa đất Nhiên nay đang có tranh chấp. Căn cứ lời khai của những người làm chứng ông Hoàng Văn Lưu, ông Lý Văn Toán, ông Lý Văn H và bà Đinh Thị H đều khai đất N do cụ Đường Giai C để lại. Bà Đinh Thị H tại phiên tòa phúc thẩm cho biết: Cụ Đường Giai C có lập 02 giấy phân quân, một giấy cho ông Đường Văn V và 01 giấy cho ông Đường Văn T (là bố bà Đinh Thị H), thửa đất đang tranh chấp chính là thửa mà cụ Đường Giai C cho ông Đường Văn V thể hiện ở Giấy phân quân là đất N, còn các con gái trong nhà là không được chia đất. Đất N là một

thửa đất rộng, mọi người trong thôn cùng nhau làm đường bê tông qua giữa mảnh đất, thửa đất chia làm hai, một phần chính là diện tích đất tranh chấp, một phần phía bên kia con đường bê tông ông Đường Văn M đang sử dụng. Mặt khác tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cũng thừa nhận tài sản của gia đình cụ Đường Giai C để lại đúng như bị đơn trình bày tuy nhiên đối với đất Nlà do nguyên đơn khai phá, không phải là tài sản của cụ Đường Giai C để lại. Từ khi bà đi làm dâu đến năm 1968, bà về bên ngoại ở, bà không làm ruộng mà đi làm cấp dưỡng cho cơ quan ở bên Văn hóa thông tin từ năm 1966, đi làm cả ngày, từ sáng đến tối ăn với tập thể, bà làm ở đó từ năm 1966 cho đến khi nghỉ hưu là năm 1985. Căn cứ lời khai của những người làm chứng, lời khai nguyên đơn cho rằng đất đang có tranh chấp do bà Đường Thị T khai phá là không có căn cứ; tài sản là các cây mới trồng, đường bê tông, bể nước do gia đình nguyên đơn làm sau thời điểm phát sinh tranh chấp là tồn tại trái phép trên đất tranh chấp, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đường Thị T là không có cơ sở.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đường Văn M; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[14] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đường Thị T đã chi phí hết tổng cộng 13.951.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị T không được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà Đường Thị T phải chịu toàn bộ số tiền 13.951.000 đồng theo quy định. Bà đã nộp tạm ứng chi phí, xác nhận bà đã nộp đủ.

[15] Về chi phí giám định tuổi cây: Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Đường Văn M đã chi phí giám định tuổi cây là 10.000.000 đồng. Ông Đường Văn M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định. Do vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định của bị đơn.

[16] Đối với tài sản là cây như hoa mộc hương, trứng gà, bưởi..., đường bê tông, bể nước là các tài sản do gia đình nguyên đơn trồng và xây dựng sau thời điểm phát sinh tranh chấp, là tồn tại trái phép trên đất tranh chấp, do đó không có căn cứ để xem xét bồi thường.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị T không được chấp nhận nên bà Đường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà Đường Thị T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà không phải chịu án phí sơ thẩm.

[18] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Đường Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại ông Đường Văn Mạnh số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001592 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[18] Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ không được chấp nhận.

[19] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với lời nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[20] Các phần khác của bản án sơ thẩm 07/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đường Văn M; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Điều 165, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 3 Điều 95; khoản 3 Điều 100; Điều 101; khoản 1, 5 Điều 166; Điều 170; khoản 2 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đường Thị T về việc được công nhận quyền quản lý sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp $S = S_{ABCDEFGHKL MNO} = 885,5m^2$ đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần thửa đất số 282, tờ bản đồ số 42, bản đồ địa chính xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất trên vì không có căn cứ.

2. Buộc bà Đường Thị T và các thành viên trong gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất $885,5m^2$ thuộc một phần thửa số 282, tờ bản đồ 42 bản đồ địa chính xã G, huyện C tại địa danh: Thôn P, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc: Bà Đường Thị T phải chịu 13.951.000 đồng (mười ba triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng) tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Xác nhận số tiền này bà Đường Thị T đã nộp đủ.

4. Về chi phí giám định tuổi cây: Ông Đường Văn M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí chi phí giám định tuổi cây số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Xác nhận số tiền này ông Đường Văn M đã nộp đủ.

5. Về án phí

5.1. Án phí sơ thẩm

Bà Đường Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đường Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí phúc thẩm

Bà Đường Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đường Văn M không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại ông 300.000đ trên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001592 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP; KTNV&THA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nguyệt